

Hội nhập kinh tế quốc tế đang là xu hướng tất yếu của quá trình phát triển kinh tế. Hội nhập sẽ tạo cơ hội cùng chia sẻ và sử dụng tốt hơn các lợi thế của mỗi quốc gia về vốn, lao động, công nghệ và kiến thức trên phạm vi khu vực hoặc toàn cầu... do vậy, những lợi ích lâu dài mà quá trình hội nhập mang lại cho mỗi quốc gia là rõ ràng, khó có thể phủ nhận. Tuy nhiên hội nhập kinh tế quốc tế là một quá trình không đơn giản và không hoàn toàn thuận chiều. Để hội nhập có hiệu quả, một trong những phương hướng chính mà đảng và nhà nước ta đang tiến hành là tích cực thực hiện việc điều chỉnh cơ cấu sản xuất và đầu tư của các ngành kinh tế. Để làm được điều này thì việc xác định được năng lực cạnh tranh của các sản phẩm là điều cần thiết, vì rằng chỉ có xác định

việc tính các hệ số sau: hệ số chi phí nguồn lực trong nước (Domestic Resource Cost - DRC), Hệ số bảo hộ hữu hiệu (Effective Protection Rate - EPR), Hệ số lợi thế so sánh trông thấy (Revealed Comparative Advantage - RCA).

các đầu vào trung gian phải tính ở mức giá thế giới vì thuế quan và các biện pháp phi thuế quan thường làm tăng giá của các đầu vào trung gian, làm cho chi phí sản xuất từng mặt hàng (ngành hàng) tăng so với cái giá thực sự đáng lẽ phải có của nó. Vì

XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG CẠNH TRANH CỦA SẢN PHẨM BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH LƯỢNG

TS. TRẦN ĐỨC HẠNH & Thạc sĩ NGUYỄN VĂN PHÚC



được tính cạnh tranh của các sản phẩm thì mới có cơ sở để tiến hành điều chỉnh cơ cấu, đồng thời xây dựng được những chính sách hỗ trợ và điều tiết thích hợp đối với các ngành kinh tế và lựa chọn được chiến lược hội nhập phù hợp với khả năng của từng ngành. Chính vì vậy, mà việc xác định tính cạnh tranh của các sản phẩm thuộc các ngành kinh tế đang là vấn đề được các nhà nghiên cứu rất quan tâm. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi xin trao đổi với các bạn về khả năng sử dụng một số phương pháp định lượng để xác định tính cạnh tranh của các sản phẩm được đánh giá từ khía cạnh nguồn lực trong nước và khả năng cạnh tranh của chúng so với các nước trên thế giới, sau đây chúng tôi xin đi vào một số phương pháp định lượng được sử dụng để xác định khả năng cạnh tranh của các ngành hàng thông qua

1. Hệ số chi phí nguồn lực trong nước (Domestic Resource Cost - DRC)

DRC là hệ số phản ánh chi phí thật sự mà xã hội phải trả để sản xuất ra một loại hàng hóa nào đó. Hệ số DRC có đặc điểm là thường chỉ thay đổi theo lợi thế so sánh dài hạn của quốc gia chứ không bị ảnh hưởng bởi những tác động nhất thời, do vậy nó mang tính ổn định tương đối và ngày nay nó thường được sử dụng khi đánh giá khả năng cạnh tranh của các ngành hàng.

Việc tính DRC của một ngành hàng (hay sản phẩm) được thực hiện theo nguyên tắc: giá trị chi phí sản xuất của các đầu vào trung gian (intermediate inputs) được tính theo mức giá thế giới, còn giá trị của các nhân tố sản xuất (factor inputs) được tính theo chi phí cơ hội (opportunity cost prices).

Sở dĩ giá trị chi phí sản xuất của

vậy, việc loại bỏ ảnh hưởng của thuế quan và phi thuế quan là nhằm để ước lượng chi phí thật sự mà xã hội phải trả trong việc sản xuất ra hàng hóa đó. Tuy nhiên việc định lượng được ảnh hưởng của phi thuế quan thường rất khó khăn, nên trong thực tế việc định lượng các ảnh hưởng chỉ dừng lại ở mức loại trừ các ảnh hưởng thuế quan (bằng cách tính theo mức giá thế giới).

Công thức tính DRC như sau:

$$DRC_j = (DC_j) / IVA_j \quad (1)$$

Trong đó:

- DC_j là chi phí trong nước cho các nhân tố sản xuất theo chi phí cơ hội để sản xuất ra sản phẩm j ,

- IVA_j là trị giá gia tăng của sản phẩm j theo giá thế giới.

Theo công thức trên thì hệ số chi phí nguồn lực trong nước (DRC) có thể được định nghĩa là tỉ lệ giữa chi phí của các nhân tố sản xuất tính

theo chi phí cơ hội so với trị giá gia tăng của sản phẩm (ngành sản phẩm) theo giá quốc tế.

Nếu hệ số DRC nhỏ hơn 1 thì có nghĩa là cần một lượng tài nguyên trong nước (domestic resources - labour, capital) nhỏ hơn 1 để tạo ra được 1 đồng trị giá gia tăng theo giá quốc tế. Trong trường hợp này thì sản phẩm hay ngành sản phẩm đó là có lợi thế để phát triển.

Ngược lại, nếu hệ số DRC lớn hơn 1 thì có nghĩa là cần một lượng tài nguyên trong nước lớn hơn 1 để tạo ra được 1 đồng trị giá gia tăng theo giá quốc tế, và như vậy là sản phẩm (ngành hàng) đó không có lợi thế.

Hệ số DRC càng cao có nghĩa là càng tốn nhiều chi phí sản xuất trong nước để tạo ra 1 đồng trị giá gia tăng theo giá thế giới, nên việc sản xuất các sản phẩm đó sẽ không hiệu quả.

Trong thực tế, người ta thường sử dụng công thức trên để tính hệ số DRC thông qua những số liệu điều tra trực tiếp về cơ cấu chi phí sản xuất. Thời gian vừa qua ở nước ta, dưới sự trợ giúp của Ngân hàng Thế giới chúng ta đã tính được hệ số DRC cho một số ít sản phẩm ngành nông nghiệp. Tuy nhiên theo David Greenaway và Chris Milner thì giữa hệ số DRC và hệ số bảo hộ hữu hiệu (EPR) có mối quan hệ mật thiết với nhau và quá trình tính toán hệ số DRC cho tất cả các ngành kinh tế sẽ trở nên đơn giản hơn nhiều nếu chúng ta đã xây dựng được bảng cân đối liên ngành (bảng I/O). Sau đây chúng tôi xin giới thiệu sơ lược vài nét về hệ số EPR.

2. Hệ số bảo hộ hữu hiệu (Effective Protection Rate - EPR)

Thuế nhập khẩu thường được sử dụng để tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước, để bảo hộ sản xuất trong nước, hoặc để thực hiện chính sách phân biệt đối xử với các đối tác thương mại khác nhau. Song dù với lý do gì đi nữa, thì việc đánh thuế nhập khẩu sẽ làm gia tăng giá cả của mặt hàng đó trên thị trường trong nước với một lượng bằng mức thuế nhập khẩu (ngoại trừ cơ chính sách miễn giảm thuế, hoặc không kiểm soát được tình trạng buôn lậu). Sau đây ta sẽ xét kỹ hơn xem đặc tính này đã được sử dụng để bảo hộ sản xuất trong nước ra sao.

Thuế đánh vào thành phẩm nhập khẩu sẽ làm cho giá cả mặt hàng đó trên thị trường trong nước tăng và nó sẽ kích thích sản xuất trong nước đối với những mặt hàng này, vì giá cả tăng sẽ làm lợi nhuận tăng. Tác động của thuế làm tăng giá hàng hoá sản xuất trong nước như vậy được gọi là "bảo hộ danh nghĩa" và mức thuế xuất ghi trong biểu thuế nhập khẩu được gọi là "mức bảo hộ

danh nghĩa" (nominal tariff rate).

Tác động của việc bảo hộ đối với tình hình sản xuất một ngành hàng nào đó trong nước còn tùy thuộc vào sự chênh lệch giữa mức thuế đánh vào thành phẩm nhập khẩu so với mức thuế đánh vào các yếu tố đầu vào (như nguyên nhiên vật liệu). Mức chênh lệch này sẽ tăng lên nếu thuế đánh vào thành phẩm nhập khẩu tăng hoặc thuế đánh vào nguyên nhiên vật liệu nhập khẩu giảm hoặc trong trường hợp xảy ra cùng một lúc hai tác động trên. Nếu khoảng chênh lệch này càng lớn thì càng có cơ hội thu được lợi nhuận cao hơn và tác động này của cơ cấu thuế được gọi là "bảo hộ thực tế".

Như vậy nếu thuế đầu vào (thuế đối với nguyên, nhiên, vật liệu nhập khẩu) cao thì nó sẽ giảm bớt tác động của việc bảo hộ danh nghĩa đối với hoạt động sản xuất, đồng thời làm cho mức bảo hộ thực tế đối với ngành hàng đó thấp đi.

Trong thực tế để đánh giá mức độ bảo hộ thực tế người ta sử dụng hệ số bảo hộ hữu hiệu (EPR) là mức bảo hộ thực tế đối với cả quá trình sản xuất, chứ không dùng hệ số xác định chỉ mức bảo hộ đối với sản phẩm đầu ra (thành phẩm) của quá trình sản xuất như hệ số bảo hộ danh nghĩa.

Công thức tính hệ số bảo hộ hữu hiệu (ERP), thường được xây dựng dựa trên các giả thiết sau:

Các hệ số đầu vào - đầu ra là ổn định.

Nước chủ nhà là nền kinh tế nhỏ (để khi những chính sách về thuế suất thay đổi thì nó cũng sẽ không gây ảnh hưởng đến biến động giá cả trên thị trường thế giới, song lại có tác động đến giá cả của thị trường trong nước).

Không có sự di chuyển của các nhân tố sản xuất (vốn, lao động) giữa các nước với nhau.

Để đơn giản và tiện theo dõi, trong công thức lý thuyết nêu ra sau đây chúng tôi giả định rằng để sản xuất ra sản phẩm j cần sử dụng chỉ một yếu tố đầu vào i (còn khi tính toán cụ thể thì i sẽ khác 1). Cách tính hệ số bảo hộ hữu hiệu như sau:

Giả sử ngành công nghiệp j sử dụng chi phí đầu vào i , kết hợp với các nhân tố sản xuất (vốn, lao động), tạo ra giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của sản phẩm j . Mức bảo hộ hữu hiệu sẽ làm tăng trị giá gia tăng trong nước, do đó được định nghĩa là:

$$e_j = (V_j^* - V_j) / V_j = V_j^* / V_j - 1 \quad (2)$$

Trong đó: V_j là trị giá gia tăng của sản phẩm j theo giá quốc tế (tức là trong trường hợp không có bất cứ loại thuế nhập khẩu nào đối với i và j), V_j^* là trị giá gia tăng trong nước (tức là đã có thuế nhập khẩu). V_j và V_j^* được tính như sau:

$$V_j = P_j (1 - a_{ij}) (3)$$

$$V_j^* = P_j [(1 + t_j) - a_{ij} (1 + t_i)] \quad (4)$$

Trong đó: P_j là giá thế giới của sản phẩm j , t_j là mức thuế nhập khẩu danh nghĩa của j , t_i là mức thuế nhập khẩu danh nghĩa của i và a_{ij} là hệ số chi phí trung gian của đầu vào i đối với sản phẩm j .

Thay các đẳng thức 3 và 4 vào 2, chúng ta sẽ có được công thức tính hệ số bảo hộ hữu hiệu như sau:

$$e_j = (t_j - a_{ij} t_i) / (1 - a_{ij}) \quad (5)$$

Công thức 5 cho thấy là: Với các điều kiện khác không đổi thì:

Hệ số bảo hộ hữu hiệu sẽ cao hơn khi mức thuế nhập khẩu t_j cao hơn.

Hệ số bảo hộ hữu hiệu sẽ cao hơn khi mức thuế nhập khẩu t_i thấp hơn.

Hệ số bảo hộ hữu hiệu càng cao khi hệ số a_{ij} càng lớn.

Về mặt lý thuyết thì hệ số bảo hộ hữu hiệu có thể âm, có thể dương hay có thể bằng không và nếu hệ số bảo hộ hữu hiệu càng thấp thì mức độ bảo hộ thực tế càng ít. Khi hệ số bảo hộ hữu hiệu âm thì có nghĩa là ngành sản xuất đó không những không được bảo hộ, mà còn phải chịu những bất lợi do chính sách ngoại thương gây ra. Vì rằng các trường hợp trên xảy ra khi thuế nhập khẩu đối với ngành sản phẩm đó bằng không, trong khi các chi phí đầu vào của quá trình sản xuất lại phải chịu thuế nhập khẩu hoặc trong trường hợp khi thuế nhập khẩu đối với các chi phí đầu vào lớn hơn so với thuế nhập khẩu thành phẩm của ngành đó.

Song nếu trên thực tế, những ngành có mức bảo hộ âm hoặc thấp vẫn tồn tại và phát triển được thì rõ ràng đây là những ngành có lợi thế cao trên thị trường (nó vẫn tồn tại và phát triển được vì rằng nó có những lợi thế nhất định, sản phẩm của ngành này mang tính cạnh tranh, hoặc mức cầu đối với loại sản phẩm này đang có và chúng có thị trường tiêu thụ ổn định...)

Trong quá trình tính giá trị e_j để xác định lợi thế cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp, chúng tôi đã loại bỏ giả định rằng để sản xuất ra sản phẩm j cần sử dụng chỉ một yếu tố đầu vào i để công thức 5 phản ánh sát thực tế hơn. Như vậy, để sản xuất ra sản phẩm j , sẽ có n đầu vào trung gian với các hệ số chi phí trung gian tương ứng là a_{ij} ($j = 1, 2, \dots, n$). Khi đó, công thức 5 được mở rộng tổng quát hơn là:

$$e_j = (t_j - \sum_{i=1}^n a_{ij} t_i) / (1 - \sum_{i=1}^n a_{ij}) \quad (6)$$

Giả sử như thị trường các nhân tố sản xuất là cạnh tranh và hoàn hảo, tức là chi phí các nhân tố sản xuất hiện tại bằng với chi phí cơ hội của chúng, khi đó DC_j sẽ bằng VA_j , trong đó VA_j là trị giá gia tăng của sản phẩm j theo giá trong nước. Theo

chúng tôi, đối với Việt Nam thì giả định này đúng cho thị trường vốn (vì chi phí cơ hội của vốn bằng lãi suất ngân hàng); trong thị trường lao động thì giả định trên đúng cho các dạng lao động có kỹ năng, còn đối với các loại lao động không có kỹ năng thì chi phí cơ hội của lao động sẽ thấp hơn là chi phí thật mà doanh nghiệp thuê mướn lao động phải trả. Đưa giá trị VA_j thay cho DC_j , lúc đó công thức 1 trở thành:

$$DRC_j = (DC_j)/IVA_j = (VA_j)/IVA_j$$

Từ công thức 2 tính hệ số bảo hộ hữu hiệu, chúng ta có:

$$e_j = (VA_j - IVA_j)/IVA_j = (VA_j)/IVA_j - 1 = DRC_j - 1$$

Như vậy mối quan hệ giữa e_j và DRC_j sẽ là:

$$DRC_j = e_j + 1 \quad (7)$$

Việc tính toán hệ số DRC giúp chúng ta xác định được trong số các sản phẩm sản xuất ra trong nước thì sản phẩm nào có lợi thế cạnh tranh hơn. Tuy nhiên khi so sánh lợi thế cạnh tranh giữa các sản phẩm cùng loại, được sản xuất ra từ các quốc gia khác nhau thì người ta thường sử dụng một hệ số đơn giản hơn, đó là hệ số lợi thế so sánh trông thấy (Revealed Comparative Advantage - RCA), mà chúng tôi sẽ giới thiệu dưới đây.

3. Hệ số lợi thế so sánh trông thấy (Revealed Comparative Advantage - RCA)

Hệ số lợi thế so sánh trông thấy RCA (của một sản phẩm của một quốc gia) do nhà kinh tế học Balassa đề xuất vào năm 1965, nó dùng để chỉ ra khả năng cạnh tranh trong xuất khẩu của một quốc gia về một sản phẩm trong mối tương quan với mức xuất khẩu của thế giới về sản phẩm đó. Như vậy hệ số RCA được xác định như là phần của nhóm sản phẩm chiếm trong tổng kim ngạch xuất khẩu của quốc gia chia cho phần của nhóm sản phẩm đó trong tổng giá trị xuất khẩu của thế giới. Có nghĩa là:

$$RCA_1 = \frac{X_{ij}}{X_{wj}} \frac{\sum_j X_{wj}}{\sum_j X_{ij}} \quad (8)$$

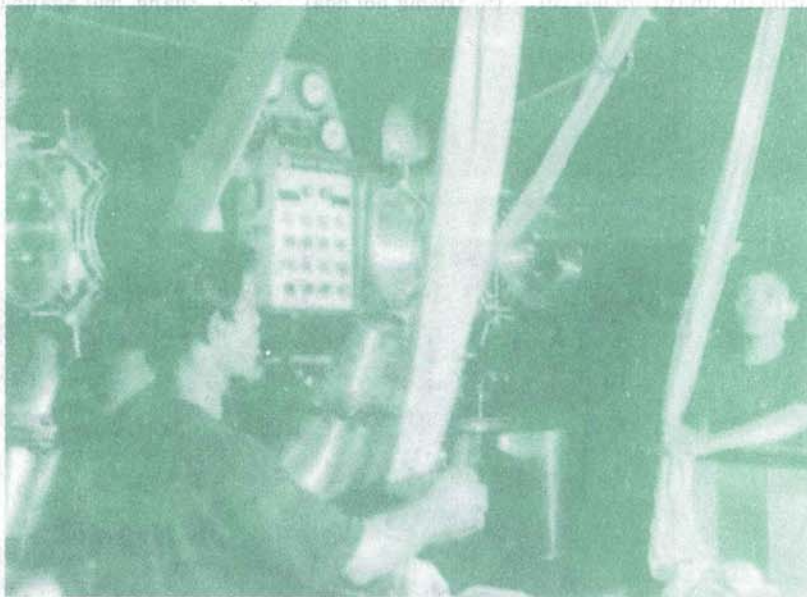
Trong đó: i là nước i , w là thế giới, và j là hàng hóa j ,
 X_{ij} là xuất khẩu mặt hàng j của nước i
 X_{wj} là xuất khẩu mặt hàng j của toàn thế giới

Trong công thức 8, nếu tỉ trọng xuất khẩu của nước i so với thế giới về mặt hàng j (là $\frac{X_{ij}}{X_{wj}}$) mà lớn hơn tỉ

trọng kim ngạch xuất khẩu của nước i so với tổng xuất khẩu của thế giới (là $\frac{\sum_j X_{ij}}{\sum_j X_{wj}}$), tức là hệ số RCA_1 lớn hơn 1,

thì nước i được cho là có lợi thế so sánh về sản phẩm j . Hệ số này càng cao thì chứng tỏ lợi thế so sánh càng cao. Nếu RCA_1 mà nhỏ hơn 1 thì nước i được cho là có bất lợi thế so sánh về sản phẩm j .

Tuy nhiên, công thức (8) có thể có nhược điểm là nó bỏ qua yếu tố nhập khẩu. Nước i có thể đồng thời xuất khẩu và nhập khẩu các sản phẩm j , chẳng hạn như nhập khẩu nguyên liệu, bán thành phẩm để sản xuất thành phẩm xuất khẩu, hoặc có thể xuất khẩu sản phẩm chất lượng thấp và nhập khẩu sản phẩm chất lượng cao hơn,... Trong trường hợp đó thì hệ số RCA_1 phản ánh không chính xác lợi thế so sánh. Do vậy, bên cạnh công thức 8 người ta còn dùng công thức 9 sau để tính đến yếu tố xuất khẩu và nhập khẩu trong cùng một ngành sản phẩm.



$$RCA_2 = (X_{ij} - M_{ij}) / (X_{ij} + M_{ij}) \quad (9)$$

X_{ij} là xuất khẩu mặt hàng j của nước i

M_{ij} là nhập khẩu mặt hàng j của nước i

Hệ số RCA_2 có giá trị từ -1 đến +1. Nếu hệ số RCA_2 có giá trị lớn hơn 0 thì nước i có lợi thế so sánh ở sản phẩm j , còn nếu hệ số RCA_2 có giá trị nhỏ hơn 0 thì nước i có bất lợi thế so sánh ở sản phẩm j . Giá trị RCA_2 gần bằng không là tình trạng không rõ ràng.

Các hệ số RCA trong công thức 8 và 9 ở trên có thể dùng để đánh giá lợi thế so sánh của các ngành sản phẩm khác nhau cho một nước và đồng thời có thể dùng để so sánh giữa các nước với nhau. Ngoài ra người ta còn sử dụng công thức 9 để so sánh lợi thế của các ngành sản phẩm giữa hai nước với nhau, trong đó xuất khẩu và nhập khẩu tính cho từng nước riêng lẻ mà chúng ta cần so sánh. Một hệ số RCA_2 có giá trị lớn hơn 0 thì nước chủ nhà so với nước i có lợi thế so sánh ở sản phẩm j , còn nếu hệ số RCA_2 có giá trị nhỏ hơn 0 thì nước chủ nhà so với nước i có bất lợi thế so sánh ở sản phẩm j .

Trên đây là một số công cụ định lượng được sử dụng để tính toán khả năng cạnh tranh của các sản phẩm xét từ góc độ cạnh tranh bên trong (giữa các sản phẩm khác nhau được sản xuất trong một nước) và bên ngoài (giữa các sản phẩm cùng loại của các quốc gia khác nhau). Thời gian qua chúng tôi đã sử dụng các phương pháp định lượng nêu trên để xác định lợi thế cạnh tranh của một số sản phẩm công nghiệp (ngành kinh tế cấp 4) trên địa bàn thành phố.